

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG NGŨ LIỆU ĐA PHƯƠNG THỨC TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU CHO HỌC SINH LỚP 3 TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC HỢP THÀNH, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Tạ Thị Ngọc Ánh - Phạm Huyền Trang - Nguyễn Thị Hồng Chuyên
 Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang
 Email: phtrang303@gmail.com.

Tóm tắt: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 yêu cầu nâng cao năng lực số của giáo viên (GV), trong đó việc sử dụng ngữ liệu đa phương thức (NLĐPT) trong dạy học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp (PP) khảo sát thực tế, phỏng vấn 12 GV và 72 học sinh (HS) tại Trường Tiểu học Hợp Thành, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đồng thời, kết hợp quan sát giờ dạy và phân tích sản phẩm học tập của HS để đánh giá mức độ vận dụng NLĐPT trong dạy học đọc hiểu. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng NLĐPT góp phần nâng cao hứng thú học tập, cải thiện khả năng hiểu bài của HS và phát triển năng lực tư duy, cảm thụ và biểu đạt. Tuy nhiên, việc áp dụng còn chưa đồng đều, với một số GV chưa có đủ năng lực thiết kế học liệu số và cơ sở vật chất vẫn là một yếu tố hạn chế. Nghiên cứu cung cấp thông tin thực tế về mức độ áp dụng NLĐPT trong dạy học đọc hiểu ở tiểu học, đồng thời chỉ ra những yếu tố cần cải thiện.

Từ khóa: Chuyển đổi số, đào tạo GV, năng lực số, ngữ liệu đa phương thức, đọc hiểu, giáo dục tiểu học. Nhận bài: 24/01/2026; Biên tập: 26/01/2026; Phản biện: 02/02/2026; Duyệt đăng: 09/02/2026.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại. Tại Việt Nam, định hướng này được khẳng định qua các nghị quyết của Đảng, nhấn mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong giáo dục. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chuyển từ tiếp cận nội dung sang phát triển phẩm chất, năng lực, trong đó năng lực đọc hiểu (NLĐH) là nền tảng quan trọng đối với học sinh tiểu học.

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu cho thấy việc tích hợp ngữ liệu đa phương thức (NLĐPT) trong dạy học giúp nâng cao hiệu quả tiếp nhận thông tin, phát triển tư duy và khả năng kiến tạo nghĩa. Đối với học sinh (HS) tiểu học, phương pháp (PP) này phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, khi trẻ học tốt qua hình ảnh, âm thanh và trải nghiệm.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số đã thúc đẩy việc sử dụng học liệu số trong giảng dạy, tuy nhiên việc khai thác NLĐPT của giáo viên (GV) vẫn còn hạn chế, thiếu tính hệ thống và chưa đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực đọc hiểu.

Thực tiễn cho thấy việc ứng dụng công nghệ trong dạy học đọc hiểu ở tiểu học còn chưa đồng đều, nhiều nơi mang tính tự phát. Vì vậy, nghiên cứu tập trung khảo sát việc vận dụng NLĐPT trong dạy học đọc hiểu lớp 3, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ và chất lượng dạy học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. PP nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp các PP nghiên cứu sau:

1) PP nghiên cứu tài liệu được vận dụng nhằm phân tích, tổng hợp các công trình khoa học và báo cáo

nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến dạy học đọc hiểu văn bản văn học và việc sử dụng NLĐPT ở tiểu học. 2) PP khảo sát được sử dụng để thu thập dữ liệu thực tiễn thông qua phỏng vấn và khảo sát bằng hình thức trực tiếp đối với 12 GV và 72 HS ở Trường Tiểu học Hợp Thành, kết hợp quan sát giờ dạy và phân tích sản phẩm học tập của HS; đồng thời tiến hành phỏng vấn trực tiếp một số GV đang giảng dạy khối lớp 3 nhằm làm rõ thực trạng và quan điểm về việc sử dụng NLĐPT trong dạy học đọc hiểu. Hoạt động khảo sát được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 16/12/2025 đến ngày 31/12/2025. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 với các PP thống kê mô tả nhằm phân tích tần suất, tỉ lệ phần trăm và giá trị trung bình; kết hợp với phân tích định tính để làm rõ thực trạng và làm cơ sở đề xuất các giải pháp phát triển NLĐH văn bản văn học cho HS lớp 3 trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Năng lực đọc hiểu và phát triển năng lực đọc hiểu ở lớp 3

a) Năng lực đọc hiểu

Năng lực đọc hiểu (NLĐH) là cấu trúc năng lực phức hợp, bao gồm khả năng nhận biết, phân tích, đánh giá và vận dụng thông tin từ văn bản. Theo OECD, đọc hiểu là quá trình hiểu, sử dụng, đánh giá và phản tư văn bản nhằm đạt mục tiêu cá nhân và tham gia hiệu quả vào đời sống xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, Kress cho rằng ý nghĩa được kiến tạo qua nhiều phương thức như chữ viết, hình ảnh, âm thanh; do đó NLĐH cần được hiểu theo nghĩa mở rộng, bao gồm cả khả năng tiếp nhận và xử lý văn bản đa phương thức. Ở tiểu học, NLĐH gồm các thành tố: hiểu nội dung, phân tích - đánh giá và vận dụng; đến lớp 3, học sinh chuyển từ “học đọc” sang “đọc để học”, đòi hỏi tăng cường suy luận và khái quát hóa.

b) Phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 3

Phát triển NLĐH là quá trình tổ chức các hoạt động dạy học nhằm nâng cao khả năng hiểu, phân tích và vận dụng thông tin. Ở lớp 3, học sinh không chỉ đọc đúng mà cần xác định ý chính, suy luận và liên hệ thực tiễn. Việc phát triển NLĐH cần gắn với mục tiêu hình thành tư duy và năng lực học tập lâu dài.

c) Vận dụng ngữ liệu đa phương thức trong dạy học đọc hiểu

Việc kết hợp chữ viết với hình ảnh, âm thanh, sơ đồ giúp học sinh xử lý thông tin hiệu quả hơn. Nhiều nghiên cứu cho thấy ngữ liệu đa phương thức làm tăng sự hứng thú và khả năng tham gia của học sinh, đặc biệt phù hợp với đặc điểm lứa tuổi tiểu học.

d) Đặc điểm văn bản văn học lớp 3

Văn bản lớp 3 có độ dài và độ phức tạp cao hơn, với cốt truyện rõ ràng, nhân vật được khắc họa qua hành động và nội tâm. Dạy học cần hướng dẫn học sinh xác định chi tiết then chốt, phân tích mối quan hệ nguyên nhân - kết quả. Việc sử dụng phương tiện trực quan hỗ trợ hiệu quả, nhưng vẫn phải đảm bảo trọng tâm là hiểu nội dung văn bản.

2.2.2. Kết quả khảo sát thực tiễn vận dụng ngữ liệu đa phương thức trong dạy học đọc hiểu lớp 3 tại Trường Tiểu học Hợp Thành, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

a) Văn bản văn học trong môn Tiếng Việt lớp 3

Chương trình Tiếng Việt lớp 3 được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, trong đó năng lực đọc hiểu giữ vai trò cốt lõi. Nội dung dạy học gồm nhiều loại văn bản như truyện, thơ, kịch, văn bản thông tin... giúp mở rộng vốn từ và hiểu biết cho học sinh. Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống gồm 59 bài đọc trong 35 tuần, trong đó văn bản văn học chiếm tỷ lệ lớn. Tập 1 tập trung vào các chủ đề gần gũi như gia đình, bạn bè, góp phần nuôi dưỡng tình cảm; tập 2 mở rộng kiến thức về thiên nhiên, văn hóa, giúp phát triển tư duy và cảm thụ thẩm mỹ.

b) Kết quả khảo sát giáo viên

Khảo sát được thực hiện với 12 giáo viên dạy Tiếng Việt tại Trường Tiểu học Hợp Thành nhằm đánh giá thực trạng vận dụng ngữ liệu đa phương thức trong dạy học đọc hiểu lớp 3. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 theo phương pháp thống kê mô tả với thang đo Likert 5 mức độ. Kết quả cho thấy giáo viên đã bước đầu nhận thức được vai trò của ngữ liệu đa phương thức, tuy nhiên mức độ vận dụng còn chưa đồng đều, hình thức triển khai còn hạn chế và chưa thực sự phát huy hiệu quả trong phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh.

Bảng 1. Tình hình sử dụng NLĐPT trong dạy học đọc hiểu văn bản văn học

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1. GV nhận thức được rằng NLĐPT không chỉ là văn bản chữ viết, mà còn bao gồm hình ảnh, âm thanh, video hoặc hoạt động thể hiện cảm xúc.	4,58	0,51	Hoàn toàn đồng ý

2. Việc kết hợp NLĐPT giúp HS dễ hình dung và hiểu nội dung bài đọc hơn.	4,67	0,49	Hoàn toàn đồng ý
3. Dạy học đọc hiểu có sử dụng NLĐPT tạo hứng thú và thu hút sự chú ý của HS.	4,75	0,45	Hoàn toàn đồng ý
4. NLĐPT giúp HS phát triển khả năng cảm nhận cái hay, cái đẹp của văn bản.	4,50	0,67	Hoàn toàn đồng ý
5. Việc khai thác nhiều kênh thông tin (văn bản, hình ảnh, âm thanh, hoạt động) góp phần phát triển NL biểu đạt của HS.	4,83	0,39	Hoàn toàn đồng ý
ĐTB Chung	4,67	0,50	Hoàn toàn đồng ý

Kết quả phân tích tại Bảng 1 cho thấy: GV hoàn toàn đồng ý với việc áp dụng ngữ liệu đa phương thức (NLĐPT) trong dạy học đọc hiểu, với điểm trung bình (ĐTB) cao và độ lệch chuẩn (ĐLC) thấp, thể hiện sự đồng nhất trong nhận thức. Các nội dung đều nhận được ĐTB từ 4,50 đến 4,83, chứng tỏ sự đồng thuận mạnh mẽ về hiệu quả của NLĐPT trong việc hỗ trợ HS hình dung, hiểu và phát triển khả năng cảm nhận cái hay, cái đẹp của văn bản. Việc kết hợp nhiều kênh thông tin như chữ viết, hình ảnh, âm thanh và video giúp nâng cao NL biểu đạt của HS. ĐLC thấp cho thấy sự thống nhất trong đánh giá của GV. Đề xuất từ GV là lựa chọn NLĐPT phù hợp với từng bài học, lứa tuổi và đầu tư thêm thiết bị hỗ trợ công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả dạy học.

c) Kết quả khảo sát HS về mức độ hứng thú và sự phát triển năng lực đọc hiểu

Tiến hành khảo sát 72 HS Trường Tiểu học Hợp Thành về: 1/ Nhận thức, thái độ về việc sử dụng NLĐPT của HS lớp 3; 2/ NLĐH văn bản văn học của HS lớp 3 qua bài đọc "Mưa". Kết quả thu được:

* Nhận thức, thái độ về việc sử dụng NLĐPT của HS lớp 3

Bảng 2. Nhận thức, thái độ về việc sử dụng NLĐPT của HS lớp 3

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Khi học bài đọc có tranh minh họa, hình ảnh hoặc video, em cảm thấy thế nào?	3,46	0,8	Thích
2	Cô giáo thường chiếu hình ảnh, video hoặc bật âm thanh khi dạy bài đọc không?	3,67	0,58	Thường xuyên
3	Khi cô giáo cho nghe giọng đọc mẫu hoặc nhạc nền, em thấy thế nào?	3,78	0,42	Đễ hiểu và dễ nhớ hơn
4	Em có hứng thú hơn khi bài học có tranh, ảnh, giọng đọc, hoặc video minh họa không?	3,83	0,44	Hứng thú
5	Theo em, hình ảnh hoặc âm thanh trong bài học giúp em hiểu gì nhất?	3,18	0,95	Nhớ lâu hơn
ĐTB chung		3,58	0,64	

Từ bảng 2, rút ra nhận xét: HS có cái nhìn rất tích cực với việc ứng dụng đa phương thức trong dạy học bài đọc. Điểm trung bình (ĐTB) chung đạt mức cao 3,58, khẳng định hiệu quả rõ rệt của PP này đối với người học. Nổi bật nhất là sự hứng thú của HS (Câu 4) với ĐTB cao nhất toàn bảng (3,83), đi kèm độ lệch chuẩn (ĐLC) thấp (0,44). Điều này

minh chứng cho sự đồng thuận tuyệt đối của các em khi khẳng định các yếu tố minh họa giúp bài học trở nên sinh động và lôi cuốn hơn. Việc kết hợp âm thanh, giọng đọc mẫu (Câu 3) cũng nhận được phản hồi rất tốt (3,78), hỗ trợ đắc lực cho khả năng ghi nhớ và thấu hiểu văn bản. Tại Câu 5 về lợi ích cụ thể, ĐTB có phần thấp hơn (3,18) và DLC cao nhất (0,95). Chỉ số này phản ánh sự phân hóa trong cảm nhận cá nhân: mỗi HS có một cách tiếp nhận khác nhau (em thấy hiểu nhanh, em lại thấy tập trung hơn). Nhìn chung, việc GV thường xuyên sử dụng đa phương thức (3,67) đã đáp ứng đúng nhu cầu và tâm lý học tập của HS hiện nay.

**NLĐH văn bản văn học của HS lớp 3 qua bài đọc "Mưa"*

Kết quả khảo sát cho thấy thái độ tích cực và nhu cầu cao của học sinh đối với việc ứng dụng năng lực đa phương thức trong dạy học bài đọc "Mưa". Với điểm trung bình (ĐTB) chung đạt 3,58, PP này rõ ràng mang lại hiệu quả tâm lý và nhận thức mạnh mẽ.

Ở câu 1, ĐTB đạt 3,46 cho thấy đa số HS cảm thấy yêu thích khi bài học có tranh ảnh, video. Sự hào hứng này được củng cố bởi kết quả câu 4, nơi ghi nhận mức ĐTB cao nhất bảng (3,83) cùng độ lệch chuẩn (DLC) thấp (0,44). Chỉ số này khẳng định sự đồng thuận tuyệt đối của HS về mức độ hứng thú vượt trội khi bài học được minh họa sinh động.

Về phía GV, kết quả câu 2 với ĐTB 3,67 cho thấy việc sử dụng các thiết bị đa phương tiện đã trở thành hoạt động thường xuyên, đáp ứng đúng mong đợi của người học. Hiệu quả của việc kết hợp âm thanh được minh chứng qua câu 3 (ĐTB 3,78); các em khẳng định việc nghe giọng đọc mẫu hoặc nhạc nền giúp bài học trở nên dễ hiểu và dễ nhớ hơn hẳn so với cách học truyền thống.

Đáng chú ý, tại câu 5, dù ĐTB đạt 3,18 nhưng DLC lại ở mức cao nhất (0,95). Điều này phản ánh sự phân hóa về lợi ích cốt lõi mà mỗi cá nhân nhận được: phần lớn nhận thấy việc hiểu nội dung nhanh hơn, trong khi một số khác lại tập trung vào khả năng ghi nhớ lâu hoặc tăng cường sự tập trung. Dù vậy, tỉ lệ học sinh cho rằng đa phương thức "không giúp gì nhiều" là cực kỳ thấp (2,78%).

Tóm lại, việc khai thác đa kênh thông tin không chỉ tạo ra môi trường học tập thân thiện, kích thích thị giác và thính giác mà còn là chìa khóa quan trọng giúp học sinh chiếm lĩnh kiến thức một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

d) Đánh giá tổng hợp kết quả khảo sát

* Thuận lợi: Việc triển khai có nền tảng vững chắc nhờ chương trình giáo dục mới chú trọng năng lực cốt lõi và sự đồng thuận cao từ GV. HS lớp 3 tại trường đã có kỹ năng đọc văn bản lưu loát, kết hợp với nguồn tài liệu đa dạng và sự hỗ trợ từ gia đình, nhà trường, tạo điều kiện lý tưởng để tích hợp các PP dạy học hiện đại.

* Hạn chế: Tuy nhiên, phong trào đọc sách chưa đồng đều, một bộ phận HS vẫn còn lơ là, chưa vượt qua được rào cản tâm lý lười học. Đặc biệt, cơ sở hạ tầng công nghệ và kết nối Internet thiếu ổn định gây khó khăn trực tiếp cho việc khai thác các học liệu số (video, hình ảnh trực tuyến).

* Nguyên nhân: Tình trạng trên xuất phát từ sự thiếu đồng bộ trong trang thiết bị dạy học và năng lực ứng dụng công nghệ của một số GV còn hạn chế. Bên cạnh đó, do đặc thù gia đình là nông dân, công nhân, phụ huynh chưa

2.3. Một số định hướng nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng ngữ liệu đa phương thức cho GV tiểu học nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho HS lớp 3 trong bối cảnh chuyển đổi số

2.3.1. Quy trình xây dựng hệ thống ngữ liệu theo định hướng chuyển đổi số và phát triển năng lực giáo viên

Ngữ liệu dùng trong dạy học và kiểm tra đánh giá khả năng đọc hiểu văn bản của HS cần phải được lựa chọn một cách cẩn trọng, dựa trên các tiêu chí cụ thể. GV có thể tham khảo hai quy trình sau đây để xây dựng hệ thống Ngữ liệu:

* Quy trình 1: GV tự xây dựng ngữ liệu để dạy học và kiểm tra đánh giá, không sử dụng ngữ liệu trong sách giáo khoa. GV bắt đầu bằng việc xác định khối lớp và nghiên cứu kỹ chương trình để nắm vững kiến thức văn học, đặc trưng thể loại cùng yêu cầu cần đạt. Sau đó, dựa trên các tiêu chí lựa chọn ngữ liệu của chương trình, GV tìm kiếm nguồn từ sách báo, Internet và chọn lọc văn bản phù hợp. Cuối cùng, thiết kế kế hoạch dạy học/kiểm tra, triển khai thực tế, rút kinh nghiệm và lưu trữ để tái sử dụng.

* Quy trình 2: GV xây dựng ngữ liệu theo định hướng của một bộ sách giáo khoa. Giáo viên xác định bài học cụ thể, phân tích yêu cầu cần đạt và đặc điểm của ngữ liệu mẫu trong SGK. Từ đó, tìm kiếm và lựa chọn các văn bản có tính chất tương đương từ nguồn bên ngoài nhằm mở rộng hoặc kiểm tra đánh giá. Các bước thiết kế, thực hiện và lưu trữ được tiến hành tương tự quy trình 1 nhằm đảm bảo tính đồng bộ với mạch bài học.

* Một số lưu ý khi xây dựng hệ thống ngữ liệu trong bối cảnh chuyển đổi số:

- Cấp độ và Số lượng: Xây dựng theo bài, chủ đề hoặc thể loại. Mỗi thể loại cần tối thiểu 01 ngữ liệu thực hành và 01 ngữ liệu kiểm tra.

- Hình thức và Hợp tác: Ưu tiên xây dựng kho học liệu số dùng chung. Khuyến khích giáo viên phối hợp theo tổ chuyên môn để phát huy trí tuệ tập thể và tiết kiệm thời gian.

Việc xây dựng và quản lý hệ thống ngữ liệu theo hướng số hóa, mở và linh hoạt không chỉ nâng cao hiệu quả dạy học đọc hiểu mà còn góp phần phát triển năng lực thiết kế học liệu, năng lực số và năng lực đổi mới sáng tạo của GV tiểu học, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2.3.2. Thiết kế và sử dụng “gói NLĐPT” theo tiến trình đọc hiểu 3 bước

Thiết kế và sử dụng “gói NLĐPT” theo tiến trình đọc hiểu 3 bước sẽ làm tăng khả năng hiểu nội dung - cảm thụ - liên hệ của HS lớp 3 bằng việc phối hợp chữ viết với hình ảnh, âm thanh, video ngắn, hoạt hình, bản đồ tư duy số... theo một tiến trình rõ ràng. Mỗi văn bản văn học (truyện, thơ, đoạn trích,...) được chuyển thành gói học liệu đa phương thức theo ba bước đọc hiểu:



Mô hình: Ba bước đọc hiểu sử dụng gói NLĐPT.

1) Trước khi đọc (khởi động - dự đoán)

Tạo hứng thú và khơi gợi sự tò mò, giúp HS dự đoán nội dung văn bản. Tranh minh họa, nhạc nền và câu hỏi dự đoán trên Quizizz/Google Form giúp HS kết nối với thực tế và chuẩn bị tâm lý tiếp nhận bài học. Cách tổ chức này thể hiện định hướng phát triển năng lực tư duy dự đoán, phân biện và kỹ năng số cơ bản cho HS.

2) Trong khi đọc (hiểu - giải mã)

Giúp HS hiểu văn bản và giải mã từ ngữ quan trọng. Video GV hoặc AI đọc diễn cảm kèm phụ đề hỗ trợ kỹ năng nghe và đọc. Các từ khó được minh họa bằng icon/GIF và chú thích pop-up trên PPT, Canva, Wordwall giúp HS hiểu nghĩa từ mới, nâng cao khả năng đọc hiểu.

Việc tích hợp công cụ số, trí tuệ nhân tạo và học liệu đa phương thức phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng số, ứng dụng công nghệ mới trong dạy học, khai thác dữ liệu và cá nhân hóa quá trình học tập. Điều này góp phần hình thành kỹ năng khai thác thông tin, năng lực công nghệ và tư duy sáng tạo cho HS.

3) Sau khi đọc (mở rộng - vận dụng)

Củng cố kiến thức, phát triển khả năng biểu đạt và sáng tạo. Sơ đồ tư duy số giúp hệ thống hóa ý chính; trò chơi hóa câu hỏi trên Kahoot/Wordwall tạo tương tác tích cực; nhiệm vụ sáng tạo như kể lại bằng tranh số hoặc ghi âm giúp HS vận dụng, thể hiện cảm nhận cá nhân và liên hệ văn bản với thực tế.

Bước này đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực toàn diện, đặc biệt là năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo và năng lực số - những năng lực cốt lõi được nhấn mạnh trong các nghị quyết về đổi mới giáo dục và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, việc học tập thông qua trải nghiệm số và sản phẩm sáng tạo góp phần xây dựng môi trường giáo dục mở, linh hoạt, gắn với thực tiễn đời sống.

Như vậy, cả ba bước đều tương hỗ nhau và phát triển năng lực toàn diện của HS thông qua NLĐPT. Mô hình “gói NLĐPT” không chỉ là một giải pháp sư phạm mà còn là sự cụ thể hóa chủ trương lớn của Đảng về đổi mới giáo dục, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển khoa học - công nghệ và hình thành thể hệ công dân số có năng lực thích ứng với bối cảnh xã hội tri thức và kinh tế số.

2.3.3. Bồi dưỡng và tạo cộng đồng thực hành cho GV - “thiết kế đa phương thức - dạy đọc hiểu số”

Nâng cao năng lực của GV trong việc chọn ngữ liệu, thiết kế nhiệm vụ đọc hiểu theo 4 mức (nhận biết - thông hiểu - vận dụng - sáng tạo) phù hợp lứa tuổi và khai thác công nghệ tối giản nhưng hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số.

Cách thực hiện như sau:

- Tập huấn theo hướng “cầm tay chỉ việc” (ngắn - thực hành).

GV được hướng dẫn chuyển đổi văn bản văn học lớp 3 thành học liệu đa phương thức (chữ viết, hình ảnh, âm thanh, video). Điển hình như bài “Mèo đi câu cá”, việc kết hợp video diễn cảm và câu hỏi tương tác trực tuyến giúp phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực số cho HS. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu được thiết kế theo bốn mức độ (nhận biết đến sáng tạo) thông qua các công cụ hỗ trợ sinh động như Canva, Quizizz hay Padlet.

Để tối ưu hóa nguồn lực, mỗi GV đóng góp ít nhất một văn bản hằng tháng vào kho học liệu chung của trường hoặc cụm trường. Việc xây dựng cộng đồng thực hành chuyên môn này giúp chia sẻ tài nguyên, tiết kiệm thời gian và nâng cao năng lực đội ngũ, góp phần chuyển đổi số giáo dục hiệu quả.

- Sinh hoạt chuyên môn theo hình thức “nghiên cứu bài học số”.

GV quay video 10-15 phút dạy thử hoạt động đọc hiểu đa phương thức, sau đó tổ chuyên môn phân tích, góp ý về độ phù hợp với lứa tuổi, mức độ khó dễ của học liệu, thời gian và hiệu quả công nghệ. Ví dụ, trong tiết học “Ngọn lửa Ô-lim-pích”, GV nhận xét âm thanh nền có gây phân tâm không, hoạt động sáng tạo có phù hợp không, cách phân hóa nhiệm vụ rõ ràng chưa. Quá trình này giúp GV cải thiện kỹ năng thiết kế bài học và tạo cộng đồng chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả dạy học.

NLĐPT chỉ hiệu quả khi GV biến chúng thành nhiệm vụ tư duy, giúp HS tương tác, phân tích và sáng tạo. Đối với các vùng khó, có thể tổ chức cụm chuyên môn liên trường để chia sẻ học liệu và kinh nghiệm giảng dạy, khuyến khích GV sử dụng giọng đọc đa phương chuẩn. Cách tiếp cận này góp phần bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng, không để HS nào bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số.

2.3.4. Vận dụng tiếp cận mô hình TPACK trong đào tạo GV tiểu học nhằm nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng ngữ liệu đa phương thức

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng NLĐPT cho GV tiểu học cần được đặt trong khung lý thuyết phù hợp. Bài báo của Trương Ngọc Dương và Phạm Thị Thanh Hải (2024) đề xuất mô hình TPACK như một định hướng quan trọng trong đổi mới đào tạo GV, đáp ứng yêu cầu tích hợp công nghệ hiệu quả vào dạy học. Mô hình này không chỉ bao gồm kiến thức nội dung và sư phạm, mà còn mở rộng sang kiến thức công nghệ, với trọng tâm là sự tích hợp hài hòa giữa ba thành tố trong các tình huống dạy học cụ thể. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ hỗ trợ trình chiếu mà phải gắn liền với nội dung và PP giảng dạy.

Trong việc phát triển năng lực thiết kế và sử dụng NLĐPT trong dạy học đọc hiểu lớp 3, mô hình TPACK có vai trò quan trọng. GV cần có năng lực lựa chọn và thiết kế các hình thức thể hiện nội dung phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học. Các tác giả Trương Ngọc Dương và Phạm Thị Thanh Hải cũng nhấn mạnh việc áp dụng mô hình TPACK trong xây dựng chương trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập. Việc này không chỉ nâng cao năng lực thiết kế NLĐPT mà còn phát triển NLĐH cho HS trong bối cảnh chuyển đổi số.

Như vậy, vận dụng tiếp cận mô hình TPACK trong đào tạo GV tiểu học góp phần nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng NLĐPT và tạo nền tảng để phát triển NLĐH cho HS lớp 3 một cách hiệu quả. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, góp phần cụ thể hóa định hướng phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong giáo dục theo tinh thần các nghị quyết của Đảng.

3. Kết luận

Phát triển NLĐH văn bản văn học cho HS lớp 3 thông qua NLĐPT là PP phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời đáp ứng Nghị quyết số 71-NQ/TW và Nghị quyết số 57-NQ/TW. Kết quả khảo sát tại Trường Tiểu học Hợp Thành cho thấy GV nhận thức tích cực về vai trò của NLĐPT, HS hứng thú và tiếp thu tốt hơn khi học qua sự kết hợp giữa văn bản chữ viết với hình ảnh, âm thanh, video và các hoạt động tương tác. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn gặp khó khăn do năng lực thiết kế học liệu số của GV và cơ sở vật chất nhà trường. Nghiên cứu đề xuất xây dựng hệ thống ngữ liệu phù hợp với chuyển đổi số, thiết kế “gói NLĐPT” theo tiến trình đọc hiểu ba bước và bồi dưỡng GV thông qua mô hình TPACK. Các giải pháp này phù hợp với thực tiễn và góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong bối cảnh chuyển đổi số ■

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - Môn Ngữ văn*. Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[2]. Development, O. f.-o. (2019). *PISA 2018 assessment and analytical framework: Reading, mathematics and science*. OECD Publishing.

[3]. Đỗ Ngọc Thống (2022). *Văn bản, đọc hiểu và tạo lập*. Hà Nội: Giáo dục Việt Nam.

[4]. Jewitt, C. (2009). *The Routledge handbook of multimodal analysis*.

[5]. Kress, G. (2003). *Literacy in the new media age*. Routledge.

[6]. Phạm Thị Thu Hương (2012). *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. Hà Nội: Đại học Sư phạm.

[7]. Tâm, Đ. T. (2022). *Khai thác đa phương tiện trong dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho HS lớp 2*. Tạp chí Giáo dục.

[8]. Tri, B. C. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

[9]. Tuyền, N. T. (2023). *Xây dựng ngữ liệu đa phương thức rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho HS lớp 4*. Tạp chí Giáo dục.

[10]. Việt, B. C. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

The current situation of applying multimodal resources in teaching reading comprehension for 3rd grade students at Hop Thanh Primary School, Son Duong commune, Tuyen Quang province

Ta Thi Ngoc Anh - Pham Huyen Trang - Nguyen Thi Hong Chuyen
Faculty of Education, Tan Trao University, Tuyen Quang
Email: phtrang303@gmail.com.

Abstract: The 2018 General Education Program requires the enhancement of teachers' digital competencies, with the use of multimodal resources (MMR) in teaching. This study uses a field survey method, interviewing 12 teachers and 72 students at Hop Thanh Primary School, Son Duong commune, Tuyen Quang province. Simultaneously, it combines observation of lessons and analysis of students' learning products to assess the level of application of teaching methods in reading comprehension. The study results show that using MMR contributes to increasing students' interest in learning, improving their comprehension skills, and developing their thinking, perception, and expression abilities. However, the implementation is not yet uniform, as some teachers lack sufficient capacity to design digital learning materials, and the infrastructure remains a limiting factor. The study provides practical information on the extent of MMR application in reading comprehension teaching at the primary level, highlighting areas for improvement. Based on this, the article proposes several directions to enhance the quality of primary school teacher training, particularly in developing the ability to design and use MMR.

Keywords: Digital transformation, teacher training, digital competence, multimodal materials, reading comprehension,